

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/DS - ST
Ngày: 27/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Hà Mộng Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐHPT ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

Đông nguyên đơn:

Anh Phan Trọng C, sinh năm: 1970

Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967,

Địa chỉ: Số 224, tổ 05, ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 35, đường C, khóm 5, phường C, thành phố Châu Đốc.

Đông bị đơn:

Anh Nguyễn Vĩnh N, sinh năm: 1973,

Chị Nguyễn Thị Vĩnh H, sinh năm: 1973.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15, tổ 10, đường Nguyễn Tri P, khóm Hòa B, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Tổ 20, khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 115 – 117, đường Trưng Nữ V nối dài, khóm Châu Quới 3, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có mặt;

Anh Phan Trọng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Anh Nguyễn Vĩnh N và chị Nguyễn Thị Vĩnh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày ý kiến của các đương sự:*

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/11/2016, anh Phan Trọng C và chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Vợ chồng đồng bị đơn (Nguyễn Vĩnh N - Nguyễn Thị Vĩnh H) là chủ quán “Dòng sông” chuyên kinh doanh đồ biển, mỗi đợt lấy hàng, đồng bị đơn vay tiền của ông bà để trả tiền, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Cụ thể các lần vay như sau:

1. Ngày 10/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
2. Ngày 12/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
3. Ngày 14/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
4. Ngày 18/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
5. Ngày 21/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
6. Ngày 04/02/2015 vay 100.000.000 đồng

Tổng cộng 6 lần vay là 600.000.000 đồng (chị H có viết biên nhận nợ). Anh chị H – N trả lãi cho bà được 03 tháng (tháng 2,3,4/2015 tiền lãi đã nhận 51.000.000 đồng), từ tháng 5/2015 cho đến nay không trả lãi và không trả vốn cho anh chị. Nay có yêu cầu N – H trả vốn vay 600.000.000 đồng, lãi tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi 1%/tháng và khấu trừ tiền lãi đã đóng là 51.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Vĩnh N hiện còn sinh sống tại địa phương, Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử - Quyết định hoãn phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập nhưng anh Nghi đều từ chối nhận.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh H không còn ở địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên tại Ủy ban nhân dân phường Châu P, thành phố

Châu Đốc tại: Ban khóm Châu L; khóm Hòa B; Ủy ban nhân dân phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc và tại nhà (03 địa chỉ) của anh chị Ngh – H nhưng anh chị đều không đến Tòa án cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

** Các tài liệu, chứng cứ do đồng nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình:*

Sáu (06) biên nhận nợ đề ngày: Ngày 10/01/2015; Ngày 12/01/2015; Ngày 14/01/2015; Ngày 18/01/2015; Ngày 21/01/2015 và ngày 04/02/2015 (Bản chính).

01 cuốn sổ thể hiện tiền đóng lãi;

** Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ:*

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/07/2015 của Văn Phòng Công chứng Công Quyền thành phố Châu Đốc (nay Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ) có chữ viết họ tên và chữ ký của bà Nguyễn Thị Vĩnh H) (bản chính);

- Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản không ghi ngày tháng năm (có chữ viết họ tên và chữ ký của bà Nguyễn Thị Vĩnh H) (Bản chính);

- Đơn đề nghị công chứng hợp đồng, giao dịch ngoài trụ sở không ghi ngày tháng 7 năm 2015 (có chữ viết họ tên và chữ ký của bà Nguyễn Thị Vĩnh H) (bản chính);

- Đơn xin miễn thu phí công chứng hợp đồng, văn bản ngoài trụ sở không ghi ngày tháng 7 năm 2015 (có chữ viết họ tên và chữ ký của bà Nguyễn Thị Vĩnh H) (Bản chính).

** Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập các kết quả và biên bản xác minh tại Công an phường Châu P, Công an phường Vĩnh M;; Ban khóm Châu L; Ban khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc; ông Nguyễn Văn C – Tổ trưởng tổ 09, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.*

Qua kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc được biết anh Nguyễn Vĩnh N và chị Nguyễn Thị Vĩnh H có đăng ký hộ khẩu thường trú địa chỉ số 15, tổ 10, đường Nguyễn Tri P, khóm Hòa B, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Nơi mua bán tại “Quán Dòng sông” địa chỉ: Tổ 20, khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 115 – 117, đường Trưng Nữ V nôi dài, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Riêng bà H từ cuối năm 2014 cho đến nay, không rõ địa chỉ.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi mua bán; nơi cư trú cuối cùng), tại nhà; Ban khóm (Châu Long 02, Châu Q); tại Ủy ban nhân dân phường Châu P, Ủy ban nhân dân phường Châu P, thành phố Châu Đốc và tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đối với đồng bị đơn, riêng anh N hiện còn sinh sống tại khóm Châu Q, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc nhưng anh N từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, còn chị H không còn ở địa phương, các đương sự không đến Tòa án để giao nộp bằng tự khai và tham gia phiên hòa giải theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã thông báo thời gian xét xử đối với vụ án cho chị Nguyễn Thị Vĩnh H bằng hình thức đăng báo Công Lý trong ba số báo liên tiếp các số 61, 62, 63 vào các ngày 02/8/2017, 04/8/2017 và 09/8/2017 và Trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng ba lần trong ba ngày liên tiếp ngày 28, 29, 30/7/2017.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng thực hiện phiên hòa giải được. Do vắng mặt đồng bị đơn.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ ý kiến ban đầu là yêu cầu anh chị N– H trả cho vợ chồng chị tiền vốn 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tiền lãi là được tính từ thời gian vay theo từng biên nhận nợ cho đến ngày Tòa án xét xử công khai, mức lãi suất là 1%/tháng, đồng ý khấu trừ tiền lãi đã nhận 51.000.000 đồng và chỉ yêu cầu hoàn trả chi phí giám định cho vợ chồng chị với số tiền là: 3.000.000 đồng. Chi phí đăng báo không yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố:

Kết luận giám định số 73/C54 (P6) ngày 06/6/2017 của Tổng cục Cảnh sát Viện khoa học hình sự;

Việc Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Nguyễn Thị Vĩnh H về thời gian mở phiên tòa cụ thể: đăng báo Công Lý trong ba số báo liên tiếp các số 61, 62, 63 ngày 02/8/2017, 04/8/2017 và 09/8/2017 và Trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng ba lần trong ba ngày liên tiếp ngày 28, 29, 30/7/2017.

Kết quả xác minh từ: Công an phường C, Công an phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc; Ban khóm Châu L và khóm Châu Q, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Công bố ý kiến của anh C;

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ *Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm của vụ án.

+ *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ *Ý kiến giải quyết vụ án:*

Yêu cầu kiện của anh chị C – T đối với ông bà N – H về khoản vay 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Do ông bà N – H không đến Tòa án cung cấp ý kiến đối với việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tuy nhiên căn cứ kết quả giám định số 73/C54 (P6) ngày 06/6/2017 của Tổng cục Cảnh sát Viện khoa học hình sự, kết luận: “ ...Chữ viết, chữ ký họ tên “Nguyễn Thị Vĩnh H” dưới chữ ký trên 06 tài liệu cần giám định: “Biên nhận”, đề các ngày 10/1/15; 12/1/15; 14/1/15; 18/1/15; 21/1/15; 04/2/15 (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Vĩnh H trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký và viết ra”. Nội dung biên nhận nợ là chữ viết, chữ ký của bà H. Từ đó có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Vĩnh H có vay tiền của ông bà C – T, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia.

Về tiền lãi:

Ông bà C – H cho rằng, ông bà cho bà H vay lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, đã nhận 51.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông bà chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng đối với khoản tiền vay từ ngày vay cho đến ngày xét xử chấp nhận khấu trừ khoản tiền đã nhận. Về yêu cầu tính lãi của ông bà C – T là có cơ sở chấp nhận do ông N biết việc ông bà C – T khởi kiện nhưng không đến Tòa án cung cấp ý kiến, xem như là từ chối quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, ông bà N – H kinh doanh mua bán hải sản việc vay tiền có trả lãi để phục vụ cho việc kinh doanh là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu của ông bà C – T.

Về chi phí giám định:

Ông bà C - T yêu cầu giám định chữ viết, bà T đã nộp số tiền 3.000.000 đồng. Do kết quả giám định là chữ viết của bà Hạnh nên ông bà N – chị H phải có trách nhiệm chịu chi phí giám định.

Ông bà C – H khởi kiện yêu cầu ông bà N – H liên đới hoàn trả cho ông bà tiền vốn 600.000.000 đồng, tiền lãi và 3.000.000 đồng tiền giám định. Căn cứ Điều 27; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện”. Tại thời điểm bà Vĩnh H vay tiền ông bà C – T thì ông N và bà

Vĩnh H cùng kinh doanh mua bán hải sản tại quán “Dòng sông” để tạo thu nhập nguồn thu nhập cho gia đình do đó chấp nhận yêu cầu đồng nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu anh chị Nguyễn Vĩnh N - Nguyễn Thị Thanh T trả tiền vay. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây gọi chung là Bộ luật Tố tụng dân sự); bị đơn cư trú tại phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự:

Anh chị N - H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh chị vắng mặt. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; 06 biên nhận nợ; Kết quả giám định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử - Quyết định hoãn phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập tại Ủy ban nhân dân phường: Vĩnh M và Châu P, thành phố Châu Đốc; tại Ban khóm Châu L; khóm Hòa B; khóm Châu Q và tại nhà (02 địa chỉ) của ông bà Nguyễn Vĩnh N – Nguyễn Thị V; anh N từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; Tòa án niêm yết thông báo thời gian mở phiên tòa trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với chị H) nhưng nay chị H và anh N vẫn vắng mặt, nên căn cứ khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung:

Về vốn vay:

Anh chị Phan Trọng C – Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu anh chị Nguyễn Vĩnh N – Nguyễn Thị Vĩnh H trả số tiền vay 600.000.000 đồng cho anh chị C – T. Anh N từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của anh đối với yêu cầu kiện của anh chị C - T.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện mình anh chị C – T cung cấp cho Tòa án 06 Giấy nợ (Bản chính):

1. Ngày 10/01/2015 vay 100.000.000 đồng;

2. Ngày 12/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
3. Ngày 14/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
4. Ngày 18/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
5. Ngày 21/01/2015 vay 100.000.000 đồng;
6. Ngày 04/02/2015 vay 100.000.000 đồng

Tổng cộng 6 lần vay là 600.000.000 đồng (tất cả các biên nhận nợ là do chị H viết). Ngoài ra, anh chị C – T khai anh chị H – N trả lãi được 03 tháng (tháng 2,3,4/2015 tiền lãi đã nhận 51.000.000 đồng), từ tháng 5/2015 cho đến nay không trả lãi và không trả vốn cho anh chị, nên anh chị khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Anh chị C – T có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ viết của chị H và yêu cầu Tòa án thu thập chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị Vĩnh H từ việc chị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Công Quyền, thành phố Châu Đốc ngày 14/7/2015.

Kết luận giám định số 462/C54B ngày 28/02/2016 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận:

Chữ viết, chữ ký họ tên “Nguyễn Thị Vĩnh H” dưới chữ ký trên 06 tài liệu cần giám định: “Biên nhận”, đề các ngày 10/1/15; 12/1/15; 14/1/15; 18/1/15; 21/1/15; 04/2/15 (ký hiệu từ A 1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Vĩnh H trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký và viết ra.

Xét, nội dung biên nhận nợ là chữ viết, chữ ký của chị H. Từ đó có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Vĩnh H có vay tiền của anh chị C – T, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia.

Đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của anh Nguyễn Vĩnh N:

Đối với khoản vay 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, do xác định chị H có mượn tiền của anh chị C – T. Sau khi vay, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh chị C – T có yêu cầu chị H và anh Ni (chồng bà H) cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh chị. Qua xác minh được ban khóm Châu Long 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc cung cấp: Bà H có mua bán hải sản tại “Quán Dòng sông” thuộc tổ 20, khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc. Bà H và ông N cùng kinh doanh mua bán tại địa chỉ trên, hiện nay quán Dòng Sông đã chuyển nhượng cho ông Mai Thanh L, nên bà H không còn ở địa phương”.

Xét, chị H vay tiền của anh chị C – T từ ngày 10/01/2015 – ngày 24/02/2015, tổng số tiền là 600.000.000 đồng, theo anh chị bà C – T cho rằng chị H mượn tiền của anh chị mục đích là kinh doanh mua bán hải sản là phù hợp với kết quả xác minh từ Ban khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc. Vậy có cơ sở xác định chị H vay tiền kinh doanh mua bán tại quán “Dòng

Sông” với mục đích là nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho hai vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, anh chị Phan Trọng C – Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu anh chị Nguyễn Vĩnh N – Nguyễn Thị Thanh T cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho anh chị C – T là có cơ sở chấp nhận. Buộc anh chị N – H có trách nhiệm trả cho anh chị C – T vốn vay 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Đối với yêu cầu trả lãi:

Ông bà C – T cung cấp cho Tòa án 06 biên nhận nợ, các biên nhận chỉ thể hiện nội dung và thời gian như sau:

Ngày 10/01/2015 (Em Nguyễn Thị Vĩnh H có mượn của chị T + anh C với số tiền (100.000.000đ) Một trăm triệu đồng;

Ngày 12/01/2015 (Em Nguyễn Thị Vĩnh H có mượn của chị T + anh C với số tiền (100.000.000đ) Một trăm triệu đồng;

Ngày 14/01/2015 (Em Nguyễn Thị Vĩnh Hạnh có mượn thêm của chị T + anh C với số tiền (100.000.000đ) Một trăm triệu đồng;

Ngày 18/01/2015 (Em Nguyễn Thị Vĩnh H có mượn thêm của chị Tuyên + anh C với số tiền (100.000.000đ) Một trăm triệu đồng;

Ngày 21/01/2015 (Em Nguyễn Thị Vĩnh H có mượn thêm của chị T + anh C với số tiền (100.000.000đ) Một trăm triệu đồng.

Xét, nội dung các biên nhận nợ do anh chị C – T cung cấp chỉ thể hiện tiền mượn, không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất 3% như lời khai của anh chị C – T. Do không triệu tập được anh chị N – H nên không có cơ sở xác định việc anh chị C – T cho anh chị N – H vay có lãi và nay chị T cung cấp chứng cứ chứng minh là người giúp việc cho chị H là chị Lê Thị Kim O là người thường xuyên đưa tiền lãi dùm cho chị H, trong lời khai tại Tòa án chị O thừa nhận chị là người làm công cho chị O, hàng ngày vào buổi tối thỉnh thoảng chị H có đưa tiền và chị có đến nhà của chị T gặp chị T đưa tiền lãi được 02 lần vào các ngày 13/01/2015 và ngày 15/01/2015, tại phiên tòa, chị T gửi đơn có ý kiến của vợ chồng chị là anh chị có yêu cầu anh chị N – H trả lãi từ ngày viết biên nhận nợ và đồng ý khấu trừ tiền lãi đã nhận là 51.000.000 đồng. Xét lời khai của anh chị từ khi khởi kiện chị Hạnh vay tiền mục đích kinh doanh mua bán hải sản quán “Dòng sông”, do cần tiền thanh toán hải sản nên vay tiền của anh chị, lời khai của anh chị hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh Lý Hùng H – trưởng Ban khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc cung cấp cho Tòa án: “ Bà Nguyễn Thị Vĩnh H – ông Nguyễn Vĩnh N cùng mua bán hải sản quán “Dòng sông” tọa lạc tổ 20, khóm Châu L, phường Châu P, thành phố Châu Đốc. Từ đó có cơ sở xác định chị H vay tiền dùng vào mục đích kinh doanh mua bán hải sản, vay tiền thì phải trả lãi và phía đồng nguyên đơn cho vay lãi suất là 3%/tháng, đã nhận tiền lãi là 51.000.000 đồng và cũng phù hợp lời khai của chị O có đi đóng lãi theo yêu cầu của chị H. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn và có lãi.

[Đối với yêu cầu tính lãi]:

Khoản tiền lãi C – T yêu cầu tính mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Cụ thể tiền lãi tính như sau:

1. Ngày 10/01/2015 vay 100.000.000 đồng:

Lãi tính như sau: 10/01/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 32 tháng 17 ngày (977 ngày) = 32.567.000 đồng (1);

2. Ngày 12/01/2015 vay 100.000.000 đồng

Lãi tính như sau: 12/01/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 32 tháng 15 ngày (975 ngày) = 32.500.000 đồng (2);

3. Ngày 14/01/2015 vay 100.000.000 đồng

Lãi tính như sau: 14/01/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 32 tháng 13 ngày (973 ngày) = 32.433.000 đồng (3);

4. Ngày 18/01/2015 vay 100.000.000 đồng

Lãi tính như sau: 18/01/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 32 tháng 09 ngày (969 ngày) = 32.300.000 đồng (4);

5. Ngày 21/01/2015 vay 100.000.000 đồng;

Lãi tính như sau: 21/01/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 32 tháng 07 ngày (967 ngày) = 32.233.000 đồng (5);

6. Ngày 04/02/2015 vay 100.000.000 đồng;

Lãi tính như sau: 04/02/2015 – 27/9/2017: 100.000.000 đồng x 1% x 31 tháng 23 (953 ngày) ngày = 31.800.000 đồng (6);

Tổng cộng: (1) đến (6) = 193.800.000 đồng khấu trừ 51.000.000 đồng (Lãi đã nhận) = 142.800.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Buộc anh chị N – H có trách nhiệm trả cho anh chị C – T: 600.000.000 đồng + 142.800.000 đồng = 742.800.000 (Bảy trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn) đồng.

[Về chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm]:

Về chi phí tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị T nộp chi phí giám định 3.000.000 (Ba triệu) đồng, anh C có đơn yêu cầu và nay tại phiên tòa chị T cũng có yêu cầu anh chị N – H hoàn trả lại cho vợ chồng ông bà khoản tiền trên, anh C có đơn yêu cầu. Kết quả giám định: Chữ viết, chữ ký họ tên “Nguyễn Thị Vĩnh H” với mẫu so sánh là chữ viết, ký tên là của chị H, nên buộc anh chị N – H có trách nhiệm hoàn lại chi phí giám định mà anh chị C – T đã tạm ứng nộp là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Các chi phí khác không yêu cầu nên không đề cập đến giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Vĩnh N và chị Nguyễn Thị Vĩnh H có trách nhiệm trả cho anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T số tiền 742.800.000 đồng nên phải chịu 33.712.000 (ba mươi ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh chị 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0007097 ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc anh chị Nguyễn Vĩnh N - Nguyễn Thị Vĩnh H có trách nhiệm trả: 742.800.000 (bảy trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn) đồng cho anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T.

Về chi phí giám định:

Anh chị Nguyễn Vĩnh N - Nguyễn Thị Vĩnh H có trách nhiệm hoàn trả cho anh chị Phan Trọng C – Nguyễn Thị Thanh T 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Về án phí:

Anh chị Nguyễn Vĩnh N - bà Nguyễn Thị Vĩnh H phải chịu 33.712.000 (ba mươi ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn) đồng.

Anh chị Phan Trọng C - Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh chị C – T số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0007097 ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Phan Trọng C và anh chị Nguyễn Vĩnh N - Nguyễn Thị Vĩnh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP. Châu Đốc (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kiều Nga